TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52A/2022/DS-ST
Ngày: 09/8/2022
"V/v *Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Thỏ.

Bà Lê Thị Thúy Kiều.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 và ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2029/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2022/QĐST - DS ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hồ Rêu M; sinh năm: 1985

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Rêu M: Bà Nguyễn Trần Thuận T; sinh năm: 1987

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*:

1. Bà Lê Thị Đ; sinh năm: 1961 (vắng mặt)

2. Ông Lê Hữu Ph (H); sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Hữu Â; sinh năm: 1987 (vắng mặt)

2. Bà Lê Thúy A; sinh năm: 1988 (vắng mặt)

3. Bà Lê Thị Th1; sinh năm: 1993 (vắng mặt)

4. Bà Lê Thị Thu Th2; sinh năm: 1999 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2019 cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hồ Rêu M – bà Nguyễn Trần Thuận T trình bày:

Năm 2016, ông Lê Hữu Tr có vay ông Hồ Rêu M số tiền sau:

- Ngày 09/9/2016, vay số tiền 15.000.000 đồng + 3.600.000 đồng = 18.600.000 đồng.

- Ngày 29/9/2016, vay số tiền 4.000.000 đồng + 1.040.000 đồng = 5.040.000 đồng

- Ngày 25/10/2016 vay số tiền 2.000.000 đồng + 450.000 đồng = 2.450.000 đồng.

- Ngày 09/11/2016, vay số tiền 9.000.000 đồng + 1.890.000 đồng = 10.890.000 đồng.

- Ngày 12/11/2016, vay số tiền 30.000.000 đồng + 5.850.000 đồng = 35.850.000 đồng.

- Ngày 17/01/2017, vay số tiền 20.000.000 đồng + 2.700.000 đồng = 22.700.000 đồng.

- Ngày 06/3/2016, vay số tiền 4.000.000 đồng + 480.000 đồng = 4.480.000 đồng

- Ngày 18/6/2017, vay số tiền 5.000.000 đồng

Ngoài số tiền vay nêu trên còn số tiền Ông Tr mua phân là 21.740.000 đồng và tiền hỏi 6.000.000 đồng + 360.000 đồng + 11.979.000 đồng

Tổng số tiền là 145.089.000 đồng.

Trong quá trình vay thì Ông Tr chết vào năm 2018, sau đó Ông M liên hệ với vợ Ông Tr là bà Lê Thị Đ và con của Ông Tr để trả nợ, Bà Đ và con của Ông Tr trả được 30.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 115.089.000 đồng cho đến nay không thanh toán.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ và các con của ông Lê Hữu Tr là những người thừa kế của Ông Tr thanh toán tổng số tiền 80.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/7/2019, bà Lê Thị Đ trình bày: Số tiền mà chồng bà Lê Hữu Tr vay của Ông M như thế nào thì bà không biết, vào khoảng năm 2018 thì bà có trả cho Ông M 30.000.000 đồng tiền phân, thuốc, còn tiền vay thì Ông M có nói là Ông Tr vay thì đòi Ông Tr chứ không có đòi bà vì Ông Tr vay riêng dùng để cờ bạc, ăn nhậu…Sau khi Ông Tr chết thì vợ Ông M tên Thảo có vào nhà bà đòi tiền Ông Tr, lúc đó đòi số tiền 80.000.000 đồng, bà có kêu Bà T bớt cho bà để bà trả từ từ nhưng Thảo nói để về tính lại với Ông M, sau đó thì không nghe nói tới đến nay thì khởi kiện. Bà không hề biết gì về việc vay tiền của chồng bà, tuy nhiên bà xin giảm cho phân nửa số tiền 80.000.000 đồng là 40.000.000 đồng vì Ông Tr để lại nhiều nợ quá mà tiền vay Ông Tr chi xài riêng nhưng bà cũng thống nhất trả số tiền 40.000.000 đồng là dứt nợ. Chữ ký trong tờ vay tiền "Chú Chí – 7 Tân (cầu Đen)" có phải chữ ký của Ông Tr hay không thì bà không biết, không nhận ra vì không biết chữ, bà không yêu cầu giám định chữ ký. Bà không biết chồng bà là Ông Tr có thiếu tiền Ông M hay không nhưng cũng đồng ý xin trả từ từ số tiền 40.000.000 đồng để không tranh chấp gì với nhau nữa.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/7/2019, ông Lê Hữu Ph (H) thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Đ, ông đồng ý cùng với Bà Đ trả số tiền 40.000.000 đồng cho Ông M.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án xác định tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại là đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hồ Rêu M, buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Hữu Tr phải trả nguyên đơn số tiền là 80.000.000 đồng; đình chỉ yêu cầu của nguyên

đơn về việc yêu cầu các bị đơn thanh toán số tiền 35.089.000 đồng; đồng thời quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Các bị đơn có địa chỉ cư trú tại Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 14 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do ông Lê Hữu Tr đã chết (chết trước khi nguyên đơn có đơn khởi kiện). Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại".

[3] Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Đ, ông Lê Hữu Ph (H), những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Hữu Â, bà Lê Thúy A, bà Lê Thị Th1, bà Lê Thị Thu Th2 được Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các đương sự nêu trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hồ Rêu M rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu những người thừa kế của ông Lê Hữu Tr thanh toán số tiền 80.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Như vậy, so với nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu những người thừa kế của Ông Tr thanh toán số tiền 35.089.000 đồng (theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu 115.089.000 đồng). Việc rút một phần yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn Hồ Rêu M về việc yêu cầu những người thừa kế của Ông Tr thanh toán số tiền 35.089.000 đồng đồng.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu những người thừa kế của Ông Tr thanh toán số tiền vay và tiền phân, thuốc do Ông Tr nợ với số tiền 80.000.000 đồng. Xét thấy, sau khi Ông Tr chết phía nguyên đơn có yêu cầu vợ con của Ông Tr trả số tiền vay và tiền phân, thuốc Ông Tr còn nợ, bà Lê Thị Đ là vợ Ông Tr trả được 30.000.000 đồng tiền phân, thuốc. Sau đó, nguyên đơn có yêu cầu Bà Đ

cùng các con trả số tiền còn nợ 80.000.000 đồng, Bà Đ cho rằng việc Ông Tr vay tiền của nguyên đơn Hồ Rêu M thì bà không biết nhưng bà có yêu cầu nguyên đơn bớt cho bà để bà trả từ từ và xin giảm cho phân nửa số tiền 80.000.000 đồng là 40.000.000 đồng và bà cũng thống nhất trả số tiền 40.000.000 đồng là dứt nợ.

Xét thấy, phía nguyên đơn có cung cấp văn bản là tờ giấy kẻ caro thể hiện "Chú Chí – 7 Tân (cầu Đen)" với nội dung, Ông Tr có mua phân và vay tiền của nguyên đơn, tổng số tiền còn nợ nguyên đơn là 145.089.000 đồng, ở cuối tờ giấy có chữ ký và chữ viết của Ông Tr. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, số tiền trong tờ giấy nêu trên cộng ra là 145.089.000 đồng là cộng luôn tiền lãi, sau khi đã trừ đi tiền lãi và trừ đi tiền Bà Đ đã thanh toán 30.000.000 đồng thì còn lại 86.740.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu người thừa kế của Ông Tr thanh toán số tiền 80.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 22/7/2019, tuy Bà Đ cho rằng không biết Ông Tr có thiếu tiền nguyên đơn hay không nhưng thực tế Bà Đ đã trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng được nguyên đơn thừa nhận, đồng thời có xin nguyên đơn giảm phân nửa số tiền 80.000.000 đồng là 40.000.000 đồng để bà trả dần. Phía Bà Đ cho rằng không biết Ông Tr có thiếu tiền nguyên đơn hay không nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và không yêu cầu giám định chữ ký của Ông Tr tại tờ giấy mà nguyên đơn cung cấp, ngược lại phía nguyên đơn cung cấp được tờ giấy nêu trên có chữ ký và chữ viết của Ông Tr thể hiện Ông Tr có thiếu tiền phân và tiền vay của nguyên đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 80.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án Bà Đ xin giảm phân nửa số tiền và xin trả dần. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền 80.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về nghĩa vụ trả số tiền 80.000.000 đồng: Do ông Lê Hữu Tr đã chết, phía nguyên đơn yêu cầu người thừa kế của Ông Tr trả nợ với số tiền 80.000.000 đồng. Như nhận định ở mục [4] thì việc yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, những người thừa kế của Ông Tr có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi của người chết để lại theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự. Tại biên bản xác minh ngày 25/4/2020 xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Ông Tr gồm: Bà Lê Thị Đ; ông Lê Hữu Ph (H); ông Lê Hữu Â; bà Lê Thúy A; bà Lê Thị Th1 và bà Lê Thị Thu Th2, những người này đã được đưa tham gia tố tụng đầy đủ. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 26/5/2022 xác định, Ông Tr và Bà Đ có một số tài sản gồm: Thửa đất số 367, tờ bản đồ số 06, có diện tích 1.650m^2, thửa đất số 368, tờ bản đồ số 06, diện tích 5.810m^2, thửa đất số 421, tờ bản đồ số 06, có diện tích

52.700m^2, thửa đất số 448, tờ bản đồ số 06, có diện tích 2.357m^2, ngoài ra Ông Tr, Bà Đ còn có một phần đất thổ cư nhưng chưa đăng ký quyền sử đụng đất, phần đất nêu trên chưa chia. Như vậy, do Ông Tr đã chết nên trách nhiệm trả nợ sẽ được chuyển giao cho các đồng thừa kế thứ nhất của Ông Tr gồm: Bà Lê Thị Đ, ông Lê Hữu Ph (H), ông Lê Hữu Â, bà Lê Thúy A, bà Lê Thị Th1, bà Lê Thị Thu Th2 thực hiện trong phạm vi di sản của Ông Tr chết để lại theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các ông, bà: Bà Lê Thị Đ, ông Lê Hữu Ph (H), ông Lê Hữu Â, bà Lê Thúy A, bà Lê Thị Th1, bà Lê Thị Thu Th2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 14 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Rêu M.

1. Buộc bà Lê Thị Đ, ông Lê Hữu Ph (H), ông Lê Hữu Â, bà Lê Thúy A, bà Lê Thị Th1, bà Lê Thị Thu Th2 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Hồ Rêu M số tiền 80.000.000 đồng.

1.1. Bà Lê Thị Đ, ông Lê Hữu Ph (H), ông Lê Hữu Â, bà Lê Thúy A, bà Lê Thị Th1, bà Lê Thị Thu Th2 có trách nhiệm trả số tiền 80.000.000 đồng trong phạm vi di sản do ông Lê Hữu Tr chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lê Thị Đ, ông Lê Hữu Ph (H), ông Lê Hữu Â, bà Lê Thúy A, bà Lê Thị Th1, bà Lê Thị Thu Th2 liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng.

2.2. Ông Hồ Rêu M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Hồ Rêu M tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.877.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007116, ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Minh Tuấn